

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2020/DS-PT
Ngày 18- 8 – 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My- là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2020/TLPT- DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2020/QĐPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Mỹ L1, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà L1: Ông Dương Công L, sinh năm 1983. Địa chỉ: đường Tô Hiến Thành, khóm 8, phường 5, thành phố C

- Bị đơn:

1. Ông Phan Minh K, sinh năm 1963 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Văn Q, sinh năm 1996.

2. Anh Phan Chí H, sinh năm 2000.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Phan Văn Q và anh Phan Chí H: Ông Phan Minh K, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

3. Ủy ban nhân dân huyện Cái N.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Mỹ L1 – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các biên bản hòa giải, bà Phan Mỹ L1 trình bày:

Cha mẹ của bà là ông Phan Văn Bang và bà Nguyễn Thị Tâm có phần đất diện tích 34.100m² tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C. đã được Ủy ban nhân dân huyện Cái N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Bang ngày 10/01/1995. Đến ngày 23/6/2004 âm lịch ông Bang và bà Tâm có làm tờ di chúc để phân chia đất cho các con, cụ thể là: Phan Văn Đăng 10 công tầm lớn, Phan Văn Đoàn 05 công tầm lớn, Phan Văn Khoa 05 công tầm lớn, Phan Văn Khải 05 công tầm lớn. Sau khi chia đất cho các con thì phần diện tích đất còn lại của ông Bang và bà Tâm giao cho bà L1 quản lý toàn bộ diện tích đất để canh tác tạo thu nhập nuôi dưỡng cha mẹ lúc tuổi già.

Vào năm 2014 cha mẹ bà có làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà phần đất có diện tích 13.033,8m², được Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng xác nhận vào ngày 07/8/2014. Bà đã thực hiện chuyển tên quyền sử dụng phần đất này do bà đứng tên sử dụng. Trước đây (không xác định được thời gian) ông Bang có cho vợ chồng ông K mượn phần đất thổ cư có diện tích 350m² (ngang 10m, dài 35m) nằm ở vị trí giữa phần đất mà cha mẹ bà đã cho bà để cất nhà ở. Nay bà L1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 trả lại phần đất có diện tích 350m² (ngang 10m, dài 35m).

Do các bên chỉ ranh không thống nhất nhau, nên diện tích theo đo đạc thực tế là 533,4m². Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L1 yêu cầu buộc ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 trả lại diện tích 533,4m².

Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, ông Phan Minh K trình bày:

Phần đất mà bà L1 yêu cầu vợ chồng ông trả lại là đất vợ chồng ông đã được cha mẹ ông cho cách nay 21 năm, khi cho không có làm giấy tờ, trong thời gian quản lý canh tác đất thì ông có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Ông không nhớ là cha mẹ của ông có làm di chúc phân chia đất hay không nhưng các anh em của ông đã được cha mẹ ông cho đất, riêng ông được cho phần đất có diện tích 05 công tầm lớn nằm ở phía sau hậu đất của bà L1 hiện nay, nhưng do điều kiện đi lại khó khăn nên cha mẹ ông cho vợ chồng ông thêm phần đất này để cất nhà ở. Phần đất này khi được cho thì nó chỉ là cái bờ đôi, sau đó vợ chồng ông bồi đắp để tạo mặt bằng cất nhà ở. Sau khi nhận đất thì vợ chồng ông đã cất nhà bằng cây lá địa phương ở trên đất và khi còn sống thì cha mẹ ông cũng không có ý kiến gì, đến năm 2017 thì vợ chồng ông xây dựng nhà kiên cố trên đất thì xảy ra tranh chấp với bà L1. Vì vậy, ông không đồng ý trả lại phần đất theo yêu cầu của bà L1.

Bà Nguyễn Thị L2 trình bày: Bà thống nhất với nội dung trình bày của ông K, không có ý kiến gì khác.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện Cái N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của các đương sự.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của bà Phan Mỹ L1 về việc yêu cầu buộc ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 trả phần đất có diện tích 533,4m²; Có tứ cận phía Đông giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M2M4 dài 21,17m; Phía Tây giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M1M5 dài 20,89m; Phía Nam giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M4M5 dài 25m; Phía Bắc giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M1M2 dài 25,78m.

(Kèm theo bản Trích đo hiện trạng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phan Mỹ L1 phải chịu số tiền 4.929.400 đồng, bà Phan Mỹ L1 có dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0004859 ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu, bà Phan Mỹ L1 còn phải tiếp tục nộp số tiền 4.629.400 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05-6-2020, bà Phan Mỹ L1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Mỹ L1. Buộc ông Phan Minh K, bà Nguyễn Thị L2 giao trả phần đất có diện tích 533,4m², tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn bổ sung kháng cáo đề nghị tháo dỡ toàn bộ kiến trúc, di dời cây cối trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn.

Người đại diện bà L1 và bà L1 đều đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Mỹ L1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Phần đất tranh chấp: Có diện tích theo kết quả đo đạc của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau là 533,4m²; Có tứ cận phía Đông giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M2M4 dài 21,17m; Phía Tây giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M1M5 dài 20,89m; Phía Nam giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M4M5 dài 25m; Phía Bắc giáp phần đất của bà Phan Mỹ L1 cạnh M1M2 dài 25,78m (đất thuộc thửa số 713, tờ bản đồ số 03, đều nằm trong Giấy CNQSDĐ số phát hành C315284, sổ vào sổ 14185, do bà Phan Mỹ L1 nhận tặng cho của ông Phan Văn Bang, bà Nguyễn Thị Tâm vào năm 2014).

[3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Ông Bang, bà Tâm được cấp phần đất diện tích 34.100m² theo Giấy CNQSDĐ vào 10/01/1995, đất tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh C .. Năm 2004 ông Bang và bà Tâm phân chia và chuyển quyền sử

dụng đất đất cho các con, cụ thể là: Phan Văn Đăng 10 công tầm lớn, Phan Văn Đoàn 05 công tầm lớn, Phan Văn Khoa 05 công tầm lớn, Phan Văn Khải cũng được nhận 05 công tầm lớn (các con đã đăng ký quyền sử dụng đất xong). Đối với bà L1 phụng dưỡng cha mẹ, nên diện tích còn lại $13.033,8m^2$, vào năm 2014 ông Bang, bà Tâm lập hợp đồng tặng cho bà L1 toàn bộ phần đất này (bà L1 đã thực hiện việc xong việc điều chỉnh sang tên trang 4 trong Giấy CNQSDĐ).

[4] Đánh giá chứng cứ các bên: Theo bà L1 trình bày lúc cha mẹ còn sống có cho ông K mượn nền đất cất nhà ở tạm, nên khi bà L1 được cho hết đất, thì toàn bộ phần đất bà L1 được cho (kể cả đất ông K mượn cất nhà ở) cũng của bà L1, nên bà L1 thực hiện việc kiện đòi. Đối với ông K thì cho rằng phần đất ông K cất nhà ở được cha mẹ cho hẳn hoi (nằm chung dây đất ông K được cho 05 công), nhưng diện tích cho cất nhà không đủ tách sổ nên ông không đi làm. Bên bà L1 nói cho mượn đất ở tạm, bên ông K nói cha mẹ cho hẳn, nhưng cả hai bên đều không có chứng cứ gì chứng minh, trên thực tế ông K đã cất nhà ở trên đất khoảng 20 năm. Vào năm 2017 ông K cất lại nhà thì các bên tranh chấp đến nay. Theo bản vẽ ngày 8-3-2019, tổng diện tích nhà ông K đang sử dụng là $132,8m^2$. Quá trình tranh chấp, bà L1 kiện đòi ông K trả lại diện tích đất có công trình kiến trúc, cây trồng ngang khoảng 10m dài 35m là $350m^2$, nhưng khi đo đạc do bị đơn chỉ ranh hết phần đất có nhà, qua đến phần đất trống còn lại (nằm bên phải từ ngoài nhìn vào) đều nằm trong Giấy CNQSDĐ của bà L1, nên bản vẽ tổng thể diện tích tranh chấp là $533,4m^2$.

[5] Vào năm 2014 cha mẹ nguyên đơn lập hợp đồng tặng cho nguyên đơn phần đất $13.033,8m^2$ nêu trên thì vợ chồng ông K đã có nhà sống trên đất này. Hằng năm ông K có đóng thuế trên đất thổ cư đầy đủ. Mặt khác, khi nguyên đơn được cho đất, nguyên đơn được điều chỉnh sang tên trang 4 trong Giấy CNQSDĐ, chứ không có tiến hành đo đất cụ thể, nên đã không xác định rõ diện tích đất có nhà ông K đã cất là của ông K được cha mẹ tặng cho chưa làm thủ tục, hay ông K được ở nhờ. Khi chưa có ý kiến ông K về vấn đề này, nên nguyên đơn cho rằng đất ông K ở là ở nhờ, điều này là chưa có cơ sở vững chắc. Đối với việc ông K cho rằng vào thời gian ông được cho đất diện tích nhỏ nên ông không đi tách Giấy CNQSDĐ là không có cơ sở, bởi lẽ đất ông K đang ở là đất thổ cư và lập vườn, quy định chung của địa phương từ trước đến nay, không có quy định cấm người sử dụng đất tách thửa trong trường hợp tương tự. Tuy nhiên, trên thực tế ông K đã sử dụng đất có nhà khoảng 20 năm, ông K có đóng thuế, đến năm 2017 mới phát sinh tranh chấp, từ đó có căn cứ xác định rằng ông K được cho đất này, phần đồng trong thân tộc đều biết, nhưng ông K chưa làm thủ tục, đến khi cha mẹ ông K cho bà L1 phần đất này đã chuyển quyền hết diện tích trong Giấy CNQSDĐ mà không có đo đạc để chia diện tích có nhà của ông K ra, điều này là không phù hợp. Việc bà L1 được cho đất năm 2014, nhà ông K đã tồn tại, lúc này cũng không có tranh chấp gì, vấn đề cho ông K sử dụng, thì đương nhiên bà L1 đã chấp nhận việc cha mẹ bà cho ông K phần đất này để cất nhà. Từ đó, xét việc bà L1 kiện đòi diện tích phần đất có nhà gia đình ông K đang ở là không phù hợp. Đối với diện tích phần đất trống còn lại nằm trong Giấy CNQSDĐ của bà L1, bà L1 kiện đòi là có cơ sở chấp nhận.

[5.1] Theo bản vẽ ngày 8-3-2019, mặt tiền 20,89m, mặt hậu 21,17m; dài hai cạnh: Cạnh phải 25m, cạnh trái 25,78m. Tại biên bản xem xét thẩm định ngày 12-8-2020, xác định: Phần đất có nhà chính phụ, chuồng gà (cắt sau khi xét xử sơ thẩm), mặt tiền 10,4m và mặt hậu là 9,27m; phía sau hậu phần đất tranh chấp có 02 trụ đá 02 bên. Đối với diện tích còn lại mặt tiền 10,4m, hậu 11,9m (là đất trống bên phải từ mặt tiền nhìn vào). Lẽ ra, cấp sơ thẩm cần giữ y diện tích đất ông K đã cất nhà để gia đình ông tiếp tục sử dụng, phần còn lại cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì diện tích này nằm trong Giấy CNQSDĐ còn lại của nguyên đơn, vì ông K không có chứng cứ chứng minh việc cha mẹ cho đất cất nhà, rồi lại cho tiếp phần đất trống này. Án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên diện tích đất 533,4m² cho bị đơn sử dụng là chưa phù hợp. Sau khi xem xét điều kiện sinh hoạt ở nông thôn, cần giữ y diện tích đất có nhà cho gia đình ông K sử dụng, có cộng thêm một ít phần đất trống cho ông K thuận lợi để làm lối đi sinh hoạt ra phía sau nhà, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu nguyên đơn khởi kiện bị đơn, đối với diện tích đất 251,45m²/533,4m², có các điểm: Mặt tiền (điểm M5 đo qua), hậu (điểm M4 đo qua) ngang 10m x dài một cạnh phải 25m, cạnh trái 25,29m. Phần đất còn lại 281,95m² theo bản vẽ (loại đất ở nông thôn), giữ y cho bị đơn sử dụng. Với diện tích chấp nhận nguyên đơn thì bị đơn phải tháo dỡ một phần mái hiên bằng thiết (bên phải từ ngoài nhìn vào), 01 truồng gà nhỏ cạnh điểm M4 của bản vẽ và toàn bộ các trồng có trên đất (theo biên bản xem xét thẩm định ngày 06-3-2019). Ông K được quyền liên hệ cơ quan chức năng để xin cấp Giấy CNQSDĐ với diện tích đất nêu trên. Bà L1 được quyền đăng ký lại Giấy CNQSDĐ sau khi trừ đi diện tích giữ lại cho bị đơn sử dụng.

[6] Quá trình tham gia phiên toàn sơ thẩm, phúc thẩm phía bà L1 xác định ông K có sên đất của nguyên đơn lấp lên khoảng đất trống còn lại như đã nêu; phía ông K cho rằng cha mẹ ông K kêu ông chớ đất ở xa đến lấp, nhưng ông không có gì chứng minh. Tuy nhiên, vợ chồng ông K xác định, nếu buộc phải trả lại đất cho bà L1, thì vợ chồng ông cũng không có yêu cầu gì về công sức và chi phí lấp nền, các cây trồng, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[7] Về nội dung, sự kiện pháp lý, chứng cứ của vụ án không thuộc trường hợp áp dụng Án lệ số: 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán TANDTC công bố theo Quyết định số: 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016 của Chánh án TANDTC, nên Bản án sơ thẩm áp dụng án lệ số 03/2016/AL để giải quyết vụ án này là chưa phù hợp.

[8] Chi phí tố tụng: Đối với số tiền chi phí xem xét, thẩm định, đo đạc, định giá phần đất tranh chấp, tổng cộng là 11.378.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn phải chịu mỗi bên 50%. Nguyên đơn đã dự nộp xong, buộc bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 5.689.000 đồng. Trong phần nhận định của Bản án sơ thẩm có nêu chi phí tố tụng, nhưng trong phần quyết định của Bản án sơ thẩm không tuyên xử là có thiếu sót, thiếu sót này không nghiêm trọng, Bản án cấp phúc thẩm cần sửa lại cho phù hợp.

[9] Từ nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án Bản sơ thẩm.

[10] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Các bên đều phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí phúc thẩm: Bà Phan Mỹ L1 không phải chịu, đã dự nộp 300.000 đồng được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Mỹ L1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của bà Phan Mỹ L1.

Buộc ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 tháo dỡ một phần mái hiên, chuồng gà cạnh điểm M4; di dời các cây trồng để trả lại cho bà Phan Mỹ L1 diện tích đất: 251,45m², vị trí (Kèm theo bản vẽ ngày 08-3-2019), như sau:

- Mặt tiền giáp bờ đất, từ điểm M5 đo qua hướng M1, lấy 10m;
- Mặt hậu giáp đất bà Phan Mỹ L1, từ điểm M4 đo qua hướng M2, lấy 10m;
- Cạnh bên phải giáp đất bà Phan Mỹ L1, dài 25m (mặt tiền nhìn vào);
- Cạnh bên trái giáp đất bà Phan Mỹ L1, dài 25,29m (mặt tiền nhìn vào).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Mỹ L1 với diện tích 281,95m², phần diện tích đất còn lại nằm theo bản vẽ ngày 08-3-2019.

Bà Phan Mỹ L1 được quyền đăng ký lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi trừ diện tích đất giữ lại cho ông Phan Minh K, bà Nguyễn Thị L2 sử dụng.

3. Giữ y diện tích đất 281,95m² còn lại cho ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 tiếp tục sử dụng. Vị trí (Kèm theo bản vẽ ngày 08-3-2019), như sau:

- Mặt tiền giáp bờ đất, từ điểm M1 đo qua hướng M5, lấy 10.89m;
- Mặt hậu giáp đất bà Phan Mỹ L1, từ điểm M2 đo qua hướng M3, lấy 11.17m;
- Cạnh bên phải giáp đất bà Phan Mỹ L1, dài 25,29m (mặt tiền nhìn vào);
- Cạnh bên trái giáp đất bà Phan Mỹ L1, dài 25,78m (mặt tiền nhìn vào).

Ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 được quyền đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền.

4. *Về chi phí tố tụng:* Tổng cộng số tiền là 11.378.000 đồng, bà Phan Mỹ L1 đã nộp xong. Bà Phan Mỹ L1 phải chịu số tiền 5.689.000 đồng; ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 phải chịu số tiền 5.689.000 đồng. Buộc ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 phải trả lại cho bà Phan Mỹ L1 số tiền 5.689.000 đồng.

Kể từ ngày bà Phan Mỹ L1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K, bà L2 chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. **Án phí dân sự:**

- *Án phí sơ thẩm:* Bà Phan Mỹ L1 phải chịu số tiền 3.996.641 đồng, bà Phan Mỹ L1 có dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0004859 ngày 23-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được đối trừ và phải nộp tiếp 3.696.641 đồng. Ông Phan Minh K và bà Nguyễn Thị L2 phải chịu số tiền 2.701.830 đồng.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Bà Phan Mỹ L1 không phải chịu, bà L1 đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0005444 ngày 05-6-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

